

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày 03/8/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn D**
2. Bà **Nguyễn Thị C**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Thị Thanh N** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị B** -
Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2016/TLKDTM - DS ngày 12 tháng 7 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **NH NN&PTNT VN**

Địa chỉ: 02 LH, quận B, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trình Ngọc K** - Chủ tịch HĐ Thành viên

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phạm Thị K** - Phó giám đốc Agribank chi nhánh huyện Đ, tỉnh G. (Theo Quyết định v/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên AGRIBANK và Giấy ủy quyền ngày 16/6/2016 của giám đốc Agribank chi nhánh huyện Đ). Bà **Khương** có mặt

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1970

và bà **Nguyễn Thị Thanh H**

Đều trú tại: Thôn 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

Ông N có mặt, bà H vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+Chị **Nguyễn Thị Cảnh T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

+Anh **Nguyễn Hữu D**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

+Anh **Nguyễn Hữu S**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Khương trình bày:***

Ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H có vay tiền của NH NN&PTNT VN chi nhánh huyện Đ, tỉnh G (Agribank) - chi nhánh huyện Đ, tỉnh G tổng số tiền là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 0280/HĐTD ngày 11/6/2013; mục đích vay để kinh doanh phân bón; thời hạn hạn mức tín dụng là 12 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/năm (tức 0,958%/tháng);

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0280/HĐTC ngày 11/6/2013 gồm các tài sản sau:

- Thửa đất số 236 tờ bản đồ số 28, diện tích đất 860m² tại Thôn 3, xã H (nay là thị trấn Đ), huyện Đ, tỉnh G; đất có giấy chứng nhận QSD đất số Y 962117 do UBND huyện Đ cấp ngày 04/7/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Hữu N;

- Thửa đất số 162 tờ bản đồ số 19, diện tích đất 6.276m² tại Thôn X, xã A, huyện Đ, tỉnh G; đất có giấy chứng nhận QSD đất số Y 963870 do UBND huyện Đ cấp ngày 16/12/2003 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Thanh H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N bà H chỉ mới trả số tiền 200.000.000đ nợ gốc và số tiền 9.072.222đ nợ lãi; số nợ còn lại mặc dù nguyên đơn đã gửi thông báo đề ông N bà H chuẩn bị tiền để trả, Ngân hàng cũng đã mời ông bà lên làm việc và bàn biện pháp tìm mọi nguồn thu để trả nợ, nhưng đến nay ông N và bà H vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Cụ thể:

- Theo Giấy nhận nợ số 02/GNN ngày 20/5/2014, số tiền nhận nợ là 210.000.000đ đến hạn ngày 20/5/2015, dư nợ 210.000.000đ chưa trả gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn;

- Theo giấy nhận nợ số 03/GNN ngày 22/5/2014, số tiền nhận nợ là 490.000.000đ, đến hạn ngày 22/5/2015, dư nợ 490.000.000đ chưa trả gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Như vậy, tính đến ngày 03/8/2018, tổng số tiền mà ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H còn nợ là 1.173.921.289 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000đồng, nợ lãi là 473.921.389đồng (lãi trong hạn: 343.153.611đồng, lãi quá hạn: 130.767.778đồng). Đề nghị Tòa án xử buộc ông N bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền này.

Ngoài ra, ông N và bà H vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Agribank.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nêu trên cho Agribank thì Agribank có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

*** Trong Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày:**

Ông công nhận sự việc vợ chồng ông có vay nợ, thế chấp tài sản cũng như khoản nợ gốc và khoản nợ lãi còn lãi tính đến ngày 03/8/2018 mà phía nguyên đơn khởi kiện và trình bày tại phiên tòa là đúng.

Ngày 11/6/2013, ông và bà Hà có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0280/HĐTD với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đ, tỉnh G để vay số tiền 900.000.000đ; mục đích vay để kinh doanh phân bón; thời hạn hạn mức tín dụng là 12 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/năm (tức 0,958%/tháng);

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông và bà Nguyễn Thị Thanh H đã thế chấp tài sản chung của ông N và bà Hà gồm các tài sản sau:

- Thửa đất số 236 tờ bản đồ số 28, diện tích đất 860m² tại Thôn 3, xã H (nay là thị trấn Đ), huyện Đ, tỉnh G; đất có giấy chứng nhận QSD đất số Y 962117 do UBND huyện Đ cấp ngày 04/7/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Hữu N;

- Thửa đất số 162 tờ bản đồ số 19, diện tích đất 6.276m² tại Thôn X, xã A, huyện Đ, tỉnh G; đất có giấy chứng nhận QSD đất số Y 963870 do UBND huyện Đ cấp ngày 16/12/2003 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Thanh H.

Ông N và bà H đã trả nợ gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi 9.072.222đồng. Đến nay, số tiền nợ lại gốc còn lại là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng); ông cũng thống nhất khoản tiền lãi trong hạn, quá hạn như nguyên đơn đưa ra là 473.921.389 đồng.

Lâu nay, ông và bà H không trả tiền gốc cũng như lãi cho Agribank là do ông bà gặp khó khăn nên chưa có tiền để trả. Nay, ông N đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho ông và bà H được bán tài sản đã thế chấp để trả nợ cho nguyên đơn trong thời hạn 02 tháng .

*** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Cảnh T, anh Nguyễn Hữu D và anh Nguyễn Hữu S:** Tòa án nhân dân huyện Đ đã tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập lấy lời khai; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng bản sao tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đến phiên tòa, nhưng bà H, chị T, anh D và anh S đều không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai cũng như tài liệu, chứng cứ; không tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Hiếu đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bà Nguyễn Thị Thanh H, chị Nguyễn Thị Cảnh T, anh Nguyễn Hữu D và anh Nguyễn Hữu S đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa để làm việc, lấy lời khai, hòa giải, tham gia phiên tòa . . . nhưng đều vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tại phiên Tòa đưa ra xét xử sơ thẩm lần thứ hai này bà H, chị T, anh D, anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, đây là việc họ tự chối bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong việc tham gia tố tụng và đưa ra các tài liệu, chứng cứ để chứng minh và bảo vệ yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt những người này là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H có vay thế chấp của NH NN&PTNT VN chi nhánh huyện Đ số tiền 900.000.000đ. Tuy nhiên, quá thời hạn cam kết mà ông N và bà H không trả hết nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 0280/HĐTD ngày 11/6/2013. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 342, 351, 355, 471, 474, 476, 478, 715, 720, 721 BLDS 2005; các Điều 30, 35, 39 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và nợ lãi, lãi quá hạn tính đến ngày thu hồi được nợ.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Nguyên đơn có quyền phát mãi các tài sản chung của ông N và bà H đã thế chấp để thu hồi nợ.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, nội dung và hình thức đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa NH NN&PTNT VN (Sau đây gọi tắt là Agribank) - chi nhánh huyện Đ với ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H phát sinh từ giao dịch dân sự vay tài sản được xác lập giữa các bên; Bên cho vay và bên vay tiền đều có đăng ký kinh doanh nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại; Agribank là một chủ thể của giao dịch nên có quyền khởi kiện. Đơn khởi kiện của Agribank có hình thức và nội dung đảm bảo theo quy định của pháp luật; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đ. Do đó, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bị đơn ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H thông qua Hợp đồng tín dụng có thể chấp để vay tiền của Agribank nhưng quá thời hạn trả nợ mà bị đơn không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận đã ký kết nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 11/6/2013, ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H vay số tiền 900.000.000đồng của Agribank theo Hợp đồng tín dụng số 0280/HĐTD để kinh doanh phân bón, lãi suất cho vay là 11,5%/năm, phương thức cho vay là hạn mức tín dụng, thời hạn 12 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ. Khi vay tiền ông N và bà H có thể chấp tài sản là đất và các tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y962117 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 04/7/2003 tại thôn 3, xã H cũ nay thuộc thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu N và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y963870 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 16/12/2003 tại thôn X, xã A, huyện Đ, tỉnh G đứng tên hộ (ông) bà Nguyễn Thị Thanh H. Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất.

Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, ông N bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết với Agribank. Tại phiên tòa, bị đơn ông N thừa nhận toàn bộ các chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp đều đúng, kể cả về số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi (trong hạn và quá hạn) mà ông N và bà H còn nợ nguyên đơn chưa trả được. Cụ thể: Theo Giấy nhận nợ số 02/GNN ngày 20/5/2014, số tiền nhận nợ là 210.000.000đ đến hạn ngày 20/5/2015, dư nợ 210.000.000đ chưa trả gốc và lãi; Theo giấy nhận nợ số 03/GNN ngày 22/5/2014, số tiền nhận nợ là 490.000.000đ, đến hạn ngày 22/5/2015, dư nợ 490.000.000đ chưa trả gốc và lãi. Sau khi xác nhận nợ theo các Giấy nhận nợ này, ông N bà H đã không thực hiện việc trả nợ gốc và nợ lãi trên các khoản vay còn nợ, Agribank - chi nhánh huyện Đ, tỉnh G đã nhiều lần thông báo cho ông N bà H đến làm việc nhưng ông N bà H không thực hiện mặc dù đã nhận được các thông báo. Như vậy, bị đơn là ông N và bà H đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết với Agribank; Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông N và bà H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 700.000.000đ và số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử (03/8/2018) là 473.921.389đ (trong đó: tiền lãi trong hạn là 343.153.611đ và tiền lãi quá hạn là 130.767.778đ) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận. Việc ông N đề nghị nguyên đơn cho ông thời hạn 02 tháng để bán các tài sản đã thế chấp để trả nợ không được phía nguyên đơn chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả tổng số tiền 1.173.921.289đ cho nguyên đơn.

Đối với các tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện các khoản vay, theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tài sản được cấp thể hiện là cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu N và hộ bà Nguyễn Thị Thanh H. Tuy nhiên, qua biên bản xác minh ngày thì vào thời điểm được cấp giấy các con của ông N và bà H đều còn nhỏ, mặt khác tại Công văn số 837/UBND-NC ngày 04/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ trả lời Công văn số 26/CV-TA ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hộ ông Nguyễn Hữu N và hộ bà Nguyễn Thị Thanh H thì cả ông N và bà H cùng có quyền sở hữu đối với các thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và các con của ông N và bà H không có quyền sử dụng đối với đất vì tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các con của ông N và bà H chưa đủ tuổi thành niên nên không tham gia tạo lập đất. Như vậy, các tài sản đã thế chấp là tài sản chung của ông N và bà H. Trường hợp, bị đơn không trả được nợ thì Agribank có quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Nguyễn Thị Cảnh T, anh Nguyễn Hữu D và anh Nguyễn Hữu S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua ông N, cũng như thực hiện niêm yết văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng đều không đến Tòa án làm việc, không cung cấp chứng cứ liên quan, không tham gia hòa giải cũng như phiên tòa. Điều này thể hiện bà H và chị T, anh D, anh S tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] *Về án phí*: Tổng số tiền phải trả là 1.173.921.289đ nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm ông N và bà H phải chịu là 36.000.000đ + (373.921.289đ x 3%) = 47.217.638 đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- *Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

- *Các Điều 342, 351, 355, 471, 474, 715, 720, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;*

- *Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;*

- *Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

- *Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NH NN&PTNT VN.

Buộc ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán cho NH NN&PTNT VN số tiền 1.173.921.389 đồng (*Một tỉ một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi một nghìn ba trăm tám mươi chín đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử ngày 03/8/2018 là 473.921.389 đồng (Trong đó, lãi trong hạn là 343.153.611 đồng và tiền lãi quá hạn là 103.767.778 đồng).

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi, chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Thanh H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho NH NN&PTNT VN thì NH NN&PTNT VN có quyền

yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể gồm những tài sản thế chấp sau:

- Thửa đất số 236 tờ bản đồ số 28, diện tích đất 860m² tại Thôn 3, xã H (nay là thị trấn Đ), huyện Đ, tỉnh G; đất có giấy chứng nhận QSD đất số Y 962117 do UBND huyện Đ cấp ngày 04/7/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Hữu N;

- Thửa đất số 162 tờ bản đồ số 19, diện tích đất 6.276m² tại Thôn X, xã A, huyện Đ, tỉnh G; đất có giấy chứng nhận QSD đất số Y 963870 do UBND huyện Đ cấp ngày 16/12/2003 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước là 47.217.638 đồng (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm mười bảy nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng*).

Hoàn trả lại cho NH NN&PTNT VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.694.508 đồng (*Mười chín triệu sáu trăm chín mươi tư triệu năm trăm lẻ tám đồng*) theo biên lai số 0002145 ngày 21/7/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh G.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (03/8/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ khi nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H